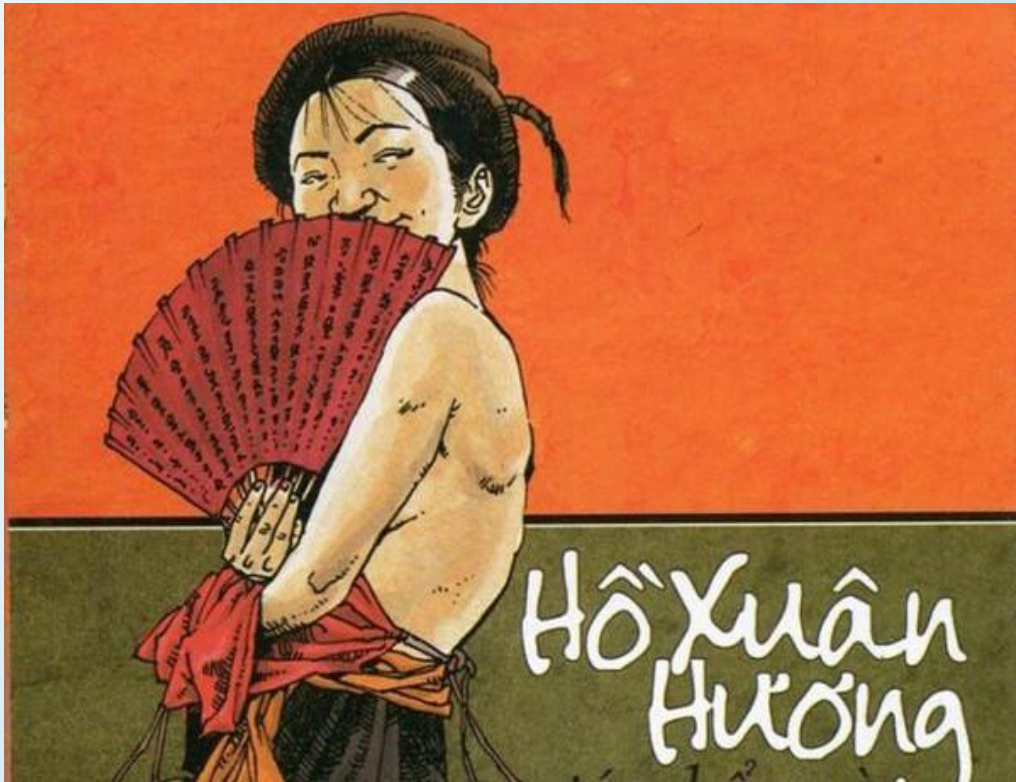




Thơ Hồ Xuân Hương – Tập 1

Hồ Xuân Hương (1772 - 1822) là một thi sĩ sống ở giai đoạn cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, mà hành trạng hiện vẫn khiến nhiều học giả tranh cãi.

Đây là trang danh sách liệt kê tuyển tập các tác phẩm, tập thơ và những bài thơ hay nhất của nhà thơ Hồ Xuân Hương. Vốn nổi tiếng với những bài thơ “thanh thanh tục tục”, di tác của bà hoàn toàn là thơ, trong đó mảng Nôm có nhiều phẩm chất tốt cần sự khảo cứu lâu, nhưng hậu thế có thi sĩ Xuân Diệu đã mạo muội tôn Hồ Xuân Hương làm Bà chúa thơ Nôm.

Thơ Hồ Xuân Hương – Tập 1

Trong tập này có tất cả 24 bài thơ của Hồ Xuân Hương.

Tập Đề Vịnh Hạ Long

- 1- Độ Hoa Phong (Qua Vững Hoa Phong)
- 2- Hải Ốc Trù (Ngóng Đỉnh Toan Ngoan)
- 3- Nhân Phóng Thanh (Mắt Tỏa Màu Xanh)
- 4- Nhập An Bang (Tới An Bang)
- 5- Thủy Vân Hương (Về Chốn Nước Mây)
- 6- Trạo Ca Thanh (Trỗi Tiếng Ca Chèo)

Tập Đề Sơn Bát Vịnh

- 1- Đông Sơn Thừa Lương (Hóng Mát Đông Sơn)
- 2- Long Tĩnh Quá Trạc (Qua Chơi Giếng Ròng)
- 3- Phật Động Thâm U
- 4- Đăng Đông Sơn Tự Kiến Ký Kỳ 1 (Lên Chơi Đông Sơn Tự Kỳ 1)
- 5- Đăng Đông Sơn Tự Kiến Ký Kỳ 2 (Lên Chơi Đông Sơn Tự Kỳ 2)
- 6- Tháp Sơn Hoài Cổ (Lên Núi Tháp Nhớ Xưa)
- 7- Thạch Phố Quan Ngư (Bến Đá Xem Đánh Cá)
- 8- Bộ Khánh Minh Tự Cảm Hứng (Dạo Chùa Khánh Minh Cảm Hứng)
- 9- Cốc Tự Tham Thiên (Thiền Định Ở Chùa Cốc)

Tập Hương Đình Cổ Nguyệt Thi

- 1- Quá Khinh Dao Từ Hoài Cổ (Qua Đền Khinh Dao Nhớ Chuyện Xưa)
- 2- Bán Châm Thư Hoài (Nỗi Niềm Gối Lẻ)
- 3- Đề Trấn Quốc Tự (Đề Chùa Trấn Quốc)
- 4- Tái Ngoại Văn Châm (Ngoài Ải Nghe Tiếng Chày Nện Vải)
- 5- Thu Vũ (Mưa Thu)
- 6- Cổ Kinh Thu Nhật (Ngày Thu Kinh Cũ)
- 7- Giang Nam Phụ Níp Kiêm Lưu Biệt Hữu Nhân (Khăn Gối Sang Sông Nam, Nhân Gửi Bạn)
- 8- Vịnh Thạch Phu Phụ (Vịnh Vợ Chồng Đá)

9- Thu Nhật Tức Sự (Ngày Thu Tức Cảnh)

Tập Đề Vịnh Hạ Long

Độ Hoa Phong (Qua Vĩng Hoa Phong, Hồ Xuân Hương)

Phiến phàm vô cấp độ Hoa Phong,
 Tiểu bích đan nhai xuất thủy trung.
 Thủy thế mỗi tùy sơn diện chuyển,
 Sơn hình tà kháo thủy môn thông.
 Ngự long tạp xử thu yên bạc,
 Âu lộ tề phi nhật chiếu hồng.
 Ngọc động vân phòng tam bách lục
 Bất tri thủy thị Thủy Tinh cung.

Dịch nghĩa:

Lá buồm không vội vượt qua vũng Hoa Phong,
 Vách đá đứng, sườn núi đỏ, giữa nước chỏi dựng lên.
 Thế nước tùy chỗ theo mặt núi mà biến chuyển.
 Hình núi nghiêng mình, nép tựa cửa lạch để nước thông qua.
 Cá rồng lẫn lộn, tắm khuất dưới tầng hơi nước mỏng mùa thu.
 Âu cò cùng ba trong ánh đỏ mặt trời chiều.
 Cõi Tiên có ba trăm sáu động ngọc và phòng mây,
 Đây không biết chốn nào là cung Thủy Tinh.

Bản dịch:

Lá buồm thủng thỉnh vượt Hoa Phong.
 Đá dựng bờ son mọc giữa dòng.
 Dòng nước lân theo chân núi chuyển,
 Mình lèn nghiêng để lối duênh thông.

Cá rồng lẫn nấp hơi thu nhạt,
 Âu lộ cùng bay bóng xế hồng.
 Băm sáu phòng mây cùng động ngọc,
 Đâu nào là cái Thuỷ Tinh cung?
 (Hoàng Xuân Hãn)

Hải Ốc Trù (Ngóng Đỉnh Toan Ngoan, Hồ Xuân Hương)

Lan nhiều tùy ý dạng trung lưu
 Cảnh tử sơn dương cánh giác u
 Sinh diện độc khai vân lộ cốt
 Đoạn ngao tranh kị khách hồi đầu
 Bằng Di điệp tác kinh thiên trụ
 Long Nữ thêm vi hải ốc trù
 Đại đế Thuỷ Hoàng tiên vị cập
 Cố lưu Nam điện củng kim âu.

Dịch nghĩa:

Phe phẩy mái chèo, tùy thích cỡi thuyền dong chơi giữa duềnh,
 Qua gần chân núi lại thấy cảnh càng vắng.
 Mây thoảng qua, núi lộ mặt, thấy đá chơ vơ,
 Những khối lèn dựng cao vút khi qua dưới, khách phải vếch trông.
 Hoặc là hải thần Bằng Di đã dựng cột để chống trời nghiêng,
 Hoặc là hải thần Long Nữ đã nối thêm cây nêu trở cung điện dưới bể.
 Ý chường vua Tần Thuỷ Hoàng chưa từng đi kinh lí đến chỗ này,
 Vì trời vốn dành nó lại ở xứ Nam này để làm vững chắc cơ đồ nước ta.

Bản dịch:

Giữ duềnh thủng thẳng phẩy chèo lan,
 Sát núi càng hay cảnh vắng nhàn.
 Mây cuốn bày ra lèn cứng cõi,

Núi cao những ngóng đỉnh Toan Ngoan
 Bằng Di chổng cột e trời đỏ,
 Long Nữ thêm nêu sợ bể tràn.
 Dấu ngựa Thuý Hoàng chưa đến đó,
 Trời dành để giữ đất người Nam.
 (Hoàng Xuân Hãn)

Nhãn Phóng Thanh (Mắt Toả Màu Xanh, Hồ Xuân Hương)

Vi mang loa đại tháp thương mình
 Đáo thử tu giao nhãn phóng thanh
 Bạch thuỷ ma thành thiên nhãn kiếm
 Hàn đàm phi lạc nhất thiên tinh
 Quái hình vị dĩ tiêu tam giáp
 Thần lực hề dung tạc Ngũ Đình
 Phảng phất vân đôi đầu ám điểm
 Cao tăng ưng hữu toạ đàm kinh.

Dịch nghĩa:

Mâu lam nhạt mờ mờ nổi trời xa với bể xa.
 Đến đây, tưởng như trong aất toả sắc xanh ra
 Nước bạc mài đá thành nghìn mũi gươm nhọn
 Giữa đầm vắng, hình như có một sao trời sa xuống.
 Vách đá hình kì quái không dễ dùng làm bảng đề danh kẻ đồ đại khoa,
 Nếu không sức thần thì sao tạc nổi tượng lực sĩ hùng dũng như vậy.
 Phảng phất mây xuống thấp, phía trên đã xâm tới,
 Chắc đã có vị cao tăng ngồi yên lặng tụng kinh.

Bản dịch:

Bể xanh lấp lánh tận trời xa,
 Đây ngõ màu xanh mắt tỏa ra.

Nước bạc mài nên nghìn mũi kiếm,
 Đầm im rơi xuống một sao sa.
 Quái hình chưa dễ đê khoa bảng,
 Thần lực đâu đà tạc tượng ma.
 Phảng phất mây rà đầu xấp tới,
 Cao tăng đang tụng chôn chiền già.
 (Hoàng Xuân Hãn)

Nhập An Bang (Tới An Bang, Hồ Xuân Hương)

Lãng tích phong trần vị nhạ cương,
 Phiêu linh thư kiếm nhập An Bang.
 Cừ lô thiên địa tâm thiên lý,
 Oa giốc sơn hà nhĩn nhất soang (song).
 Thi giá cảm vân sơn quý khắp,
 Sầu thành liêu giả tửu binh hàng.
 Hứng hàm dục tá Tinh châu tiến,
 Tiến thử kỳ phong thủy bán giang.

Bản dịch:

Gió bụi lông bông bước vẫn tràn,
 Lênh đênh gươm sách tới An Bang.
 Sừng sên sông núi đôi con mắt,
 Quán trọ càn khôn dạ dậm ngàn.
 Thơ tí dám rằng ma núi khóc,
 Thành sầu đành mượn lính men hàng.
 Say toan nhờ kéo châu Tinh cắt,
 Non nước xinh này cắt nửa gang.
 (Bùi Hạnh Cận)

Thuỷ Vân Hương (Về Chốn Nước Mây, Hồ Xuân Hương)

Vân căn thạch đẩu tự phong phòng
 Mãn mục sơn quang tiếp thuỷ quang
 Thiệp hải tạc hà si Lí Bột
 Phụ chu tàng hác báí Nguyên Chương
 Loa ngân tịch tế lân tuần xuất
 Vụ ảnh triều mê thứ đệ tàng
 Mạn thuyết ngư nhân chu nhất điệp
 Sở trùng môn hộ Thuỷ Vân hương.

Dịch nghĩa:

Dưới chân mây, bày hang đá như tổ ông;
 Đầy mặt thấy ánh sáng trên núi tiếp với ánh sáng dưới nước.
 Vượt bể để đi đục núi như Lí Bột thật là ngây,
 Đột thuyền lên cạn giấu trong hang như Nguyên Chương thì đáng phục
 Buổi chiều trời lạnh, sóng gợn lăn tăn hiện ra,
 Ban sáng màn mù che núi lần lượt rút lui.
 Vui chuyện bảo rằng người chài dong chiếc thuyền kia,
 Đang len lỏi qua nhiều tầng cửa tìm vào làng Tiên.

Bản dịch:

Chân mây lỗ đá tựa phòng ong
 Chốn chốn lèn chong ánh nước lồng.
 Vượt bể đục non cười Lí Bột,
 Đội thuyền giấu động phục Nguyên Ông.
 Chiều êm sóng gợn lăn tăn nổi,
 Sáng toả mù tan lớp lớp trong.
 Vui chuyện kìa ai thuyền một lá,
 Cửa lèn len lỏi kiếm non bông.
 (Hoàng Xuân Hãn)

Trạo Ca Thanh (Trôi Tiếng Ca Chèo, Hồ Xuân Hương)

Linh lung tứ bích liệt vân bình
 Ngọc duẩn sâm si thủy diện bình
 Tiệm giác Đào Nguyên sơn tác hộ
 Chỉ từng Ngư Phĩ thạch đồn binh
 Tận giao Tạ khách du nan biến
 Già mạc Vân Lâm hoạ bất thành
 Dao vọng thủy cùng sơn tận xứ
 Hốt nhiên xung xuất trạo ca thanh.

Dịch nghĩa:

Long lanh bốn vách giăng những bức bình phong vẽ cảnh mây.
 Đá hình cây măng ngọc lô nhô mọc trên mặt nước phẳng.
 Thấy rõ ràng rằng lối vào Đào Nguyên có cửa bằng núi đá,
 Lạ thay! Sao mà bên bến cá lại có thành xây bằng đá để đóng đồn binh
 Mặc lòng chàng Tạ Linh Liên đến chơi đây, đi xem đâu hết,
 Dẫu là hoạ sĩ Ngọc Vân Lâm vẽ cảnh cũng không thật đúng,
 Ngóng trông đến chỗ cuối nước hết núi,
 Thành linh nghe tiếng chèo và tiếng ca trôi lên.

Bản dịch:

Long lanh bốn phía rủ màn mây,
 Nước phẳng lô nhô măng mọc dày.
 Mới biết Nguồn Đào ngăn cửa đá,
 Nào ngờ Bến cá có đồn xây
 Mặc cho họ Tạ xem đâu hết,
 Dẫu có chàng Lâm vẽ chẳng tầy.
 Xa ngóng chân trời non lẫn nước,
 Bỗng nghe chèo hát trôi đâu đây.
 (Hoàng Xuân Hãn)

Tập Đồ Sơn Bát Vịnh

Đông Sơn Thừa Lương (Hóng Mát Đông Sơn, Hồ Xuân Hương)

Đồ Sơn chi đông viết Đông Sơn,
 Dao vọng sơn hình tự mã yên,
 Cổ tự môn tòng lâm lộc xuất,
 Giang Phi động tại thạch bình gian,
 Phiếm châu hữu khách ca minh nguyệt,
 Cao ngạn hà nhân tuý thạch bàn,
 Sơn đỉnh bất tri tang hải biến,
 Ngật nhiên chi trụ chương cường lan.

Bản dịch:

Đông Đồ Sơn núi gọi Đông Sơn,
 Yên ngựa hình non xa thoáng trông,
 Cổ tự, cổng thiên rừng thấp thoáng,
 Hang Giang cửa động đá mênh mông.
 Thả thuyền khách hát trong trăng sáng
 Nằm khểnh ai say giữa thạch bàn,
 Non núi nào hay dâu biển mãi,
 Bên trời sừng sừng chấn cường phong.
 (Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh)

Long Tỉnh Quá Trạc (Qua Chơi Giếng Ròng, Hồ Xuân Hương)

Ngọc sơn sơn hạ tiểu kê biên,
 Xuyên thạch quyên quyên chú bách xuyên.
 Nhuận hoạt hồn như hòa ngọc dịch,
 Thanh hương sai khả thắng long diên.
 Dư ba tư tưởng thiên chu thụ,
 Lưu trạch xuyên xuyên vạn lục điền.

Tinh diệp khởi ưng tư nhất ấp,
Vương Minh dụng cấp phúc di thiên.

Bản dịch:

Dưới núi Ngọc Sơn dòng nước trong,
Thấm hoà xuyên đá rót trăm sông.
Hồn như nước ngọc lên ngời sáng,
Hơn thể rãi rông toả ngát hương.
Róc rách tưới lên ngàn gốc đỏ,
Chan hoà dòng thấm vạn đồng xanh.
Há riêng giếng nước cho thôn ấp,
Chu cấp Vương Minh, phúc báu ban.
(Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh)

Phật Động Thâm U (Hồ Xuân Hương)

Truyền văn Phật tích tại Linh Sơn,
Cận đắc sơn ông chỉ thử gian,
Động khẩu thiển thâm hoang thảo kính
Tự ngân nông đậm ấn đài ban,
Phóng đăng hồ ngoại kiều do tại,
Cấp thủy biên khô tỉnh bất can,
Sắc tức thị không không thị sắc,
Thiên gia đương tác như thị quan.

Bản dịch:

Tương truyền dấu Phật tại Linh Sơn,
Nay được sơn ông chỉ đỉnh non,
Cửa động nông sâu cây cỏ đại,
Chữ mờ phai nhạt dấu rêu mòn.
Ngoài hồ đèn thả, cầu soi bóng,

Bến nước khe trong, chẳng cạn dòng,
 Sắc tức thị không, không thị sắc
 Thiên gia hiểu thế việc trần gian.
 (Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh)

Đăng Đông Sơn Tự Kiến Ký Kỳ 1 (Lên Chơi Đông Sơn Tự Kỳ 1, Hồ Xuân Hương)

Đông Sơn cảnh chiếm nhất hồ thiên,
 Bảo áp phi lai pháp giới yên,
 Nham thạch điểm đâu hoàn vũ hạ,
 Thiên hoa mãn thụ lộng phong tiên,
 Đẽ Bà hương hỏa phương lân cận,
 Trích Chúa xa luân cứu tích truyền,
 Phổ độ hàng từ siêu khổ ải,
 Thuần âu than hạ túc ngư thuyền.

Bản dịch:

Đông Sơn cảnh chiếm một hồ riêng,
 Uyên báu bay về, khói pháp chen,
 Đá núi điểm đâu, mưa phất xuống,
 Ngàn hoa nở rộ, gió tung lên,
 Đẽ Bà hương hỏa thơm bên xóm,
 Trịnh Chúa xe qua vết cũ còn,
 Cứu độ bè từ qua bể khổ,
 Chim âu ngủ đứng bến ngư thôn.
 (Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh)

Đăng Đông Sơn Tự Kiến Ký Kỳ 2 (Lên Chơi Đông Sơn Tự Kỳ 2, Hồ Xuân Hương)

Bạch lộ hoành giang thủy tiếp thiên,
 Tùng lâm nhất thốc cách vân yên,
 Nữ Vu trị vũ vô đông hạ,
 Ngự phủ phi điều hoặc hậu tiền,
 Ngộ đạo cao tăng huề tích khứ,
 Hiện thân Cổ Phật đáo kim truyền,
 Đăng lâm độc bộ Đông Sơn thượng,
 Thừa hứng lâm lưu nguyệt mãn thuyền.

Bản dịch:

Cò trắng qua sông nước nối trời,
 Chùa thiên một cảnh khói mây trôi,
 Nữ Vu trị thủy không đông hạ,
 Ngự phủ thuyền qua sau trước bơi.
 Ngộ đạo cao tăng mang gậy xuống,
 Hiện thân Phật Tổ đến đây rồi.
 Một mình lên núi Đông Sơn dạo,
 Thi hứng đây thuyền trăng sáng soi.
 (Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh)

Tháp Sơn Hoài Cổ (Lên Núi Tháp Nhớ Xưa, Hồ Xuân Hương)

Cổ tháp di khu loạn thảo đôi,
 Dục Vương khứ hậu uỷ hời đôi,
 Thiên quân bảo khí minh lưu thủy,
 Cửu cấp phù đồ hoá kiếp hời,
 Tiêu tử y kha miên thạch đắng,
 Mục nhi khu độc há sơn ôi,

*Đặng cao dực hội sơn tăng giảng,
Hà xú chung thanh khụ nhất hồi.*

Bản dịch:

*Tháp cũ nền xưa cỏ dại tràn,
Dục Vương xa vắng cảnh hoang tàn,
Ngàn cân bảo khí reo bên nước,
Chín bậc phù đồ gạch ngói tan,
Tiêu tử tựa rìu bên đá ngủ,
Mục đông xưa ghé xuống đôi hoang,
Lên cao muốn hỏi sơn tăng đạo,
Chuông vắng đâu đây vọng cuối ngàn.
(Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh)*

Thạch Phố Quan Ngư (Bến Đá Xem Đánh Cá, Hồ Xuân Hương)

*Phong điền ba tỉnh độ giang mi,
Vọng vọng ngư châu nhất tự nhi,
Thủ thám giao cung giang tác lộ,
Võng thu thần thị tịch vi kỳ,
Huề la bản phụ phan thuyền vĩ,
Khẩu tiếp đà sư hệ tưu chi,
Hoặc thủ chư “ly” kiêm thủ “hoán”,
Thánh nhân khai vật dĩ nhân nghi.*

Bản dịch:

*Gió im sóng lặng dạo bên sông,
Ngắm ngắm thuyền chài giang giăng hàng,
Tay kiếm hang rồng sông mở lối,
Lưới quăng chợ hến sóng cò dâng,
Bà buôn xách giỏ vìn khoan cuối,*

Ông lái gõ chèo chén rượu nâng,
 Hoặc lúc quẻ ly, khi quẻ hoán,
 Thánh nhân định vật, ý người trần.
 (Phạm Trọng Chánh)

Bộ Khánh Minh Tự Cảm Hứng (Đạo Chùa Khánh Minh Cảm Hứng, Hồ Xuân Hương)

Phạn Vương quy khứ kỷ thời lai,
 Không ủy Kỳ Viên ế thảo lai,
 Khánh hữu cơ duyên quy biệt viện,
 Chung vô cư nghiệp trệ không giai,
 Đồi lương bại ngổa sào ma tước,
 Phá kệ tàn bi yếm lục đài,
 An đắc Như Lai Thiên Thủ Phật,
 Hư không nhất dạ khởi lâu đài.

Bản dịch:

Phạn Vương đi khỏi bao giờ lại,
 Còn để Kỳ Viên cỏ mọc đây,
 Khánh đã có duyên đời viên khác,
 Chuông không giá móc vất bên đài,
 Ngồi tan, xà mục chim làm tổ,
 Bệ vỡ, bia mòn rêu biếc vùi,
 Giá được ngàn tay như Phật Tổ,
 Hư không một tối dựng lâu đài.

Cốc Tự Tham Thiên (Thiên Định Ở Chùa Cốc, Hồ Xuân Hương)

Thần ngoan quý tặc bất tri niên,
 Thế thế an bài nhược tự nhiên,

Ốc bất ngỗ từ giai bất thể,
 Nham như tường bích thạch như diên,
 Dạ minh hiến quả liên đài hạ,
 Phong tử hàm hoa bảo án tiên,
 Đào hương tiêu ca hòa điệu ngữ,
 Thanh thanh hoán tỉnh lão tăng miên.

Bản dịch:

Thần bào quĩ đẽo tự bao niên,
 Hình thể an bài sẵn tự nhiên,
 Mái chắng ngói tranh, thêm chắng trát,
 Vách như tường lát, đá như sườn.
 Đàn dơi cúng trái dài sen quý,
 Ong mật dâng hoa trước án hương.
 Sóng vỗ, ca tiêu, chim chóc hót,
 Sư già chợt tỉnh giấc miên mang.
 (Phạm Trọng Chánh)

Tập Hương Đình Cổ Nguyệt Thi

Quá Khinh Dao Từ Hoài Cổ (Qua Đền Khinh Dao Nhớ Chuyện Xưa, Tản Đà)

Sơn hải tang bồng cổ dĩ lai,
 Trường đồ trước cuộc sạ quan hoài.
 Đình tiền tượng mã ngân song toả,
 Cung lý y quan ngọc nhất đôi.
 Thảo mộc ám tùy đông tuyết lão,
 Giang sơn hoàn vị tích nhân ai.
 Hoàng thiên hữu ý khai tân vận,
 Phong quyển hồng trần phất kiếp hôi.

Bản dịch 1:

Non biển cung tên trái mọi thời,
 Đường dài dừng bước chợt quan hoài.
 Ngựa voi sân trước đôi vòng bạc,
 Áo mũ cung trong một đồng ngời.
 Sông núi còn vì người trước tiếc,
 Cỏ cây ngấm với tuyết đông phai.
 Cao xanh có ý sang tuần mới,
 Bụi đỏ giông trần sạch kiếp hôi.

Bản dịch 2:

Non biển cung tên trước tới giờ,
 Đường dài dừng bước chợt suy tư.
 Ngựa voi sân trước đôi vòng bạc,
 Áo mũ cung trong ngọc một gò.
 Cay cỏ ngấm theo sương tuyết cõi,
 Núi sông còn mãi xót người xưa.
 Cao xanh có ý xoay vần mới,
 Gió cuốn hồng trần sạch bụi tro.
 (Cả 2 bản dịch đều của Bùi Hạnh Cẩn)

Bán Châm Thư Hoài (Nỗi Niềm Gối Lẻ, Hồ Xuân Hương)

Bán thiên phong vũ bán thiên tình,
 Lữ huống thê lương nhập mộng tình.
 Ngâm khách hữu thần lai sắc tướng,
 Tình ma vô lực khước sầu binh.
 Khâm trung bán sáu phong lưu cốt,
 Tháp thượng bình phân hải giác tình.
 Nhất phiến vô liêu ngôn bất tận,
 Trần hoàn an đắc nhĩn song thanh.

Bản dịch:

Nửa trời mưa gió nửa trời thanh,
 Đất khách thê lương mộng khó thành.
 Bạn hát có thần cùng hợp mặt,
 Ma tình không sức đuổi sâu binh.
 Trong chấn gãy nửa thân thanh lịch,
 Trên chiếu chia đều phận nổi nênh.
 Một nỗi mệnh mông lời chẳng siết,
 Cõi trần được mấy mắt đôi xanh.
 (Bùi Hạnh Căn)

Đề Trấn Quốc Tự (Đề Chùa Trấn Quốc, Hồ Xuân Hương)

Trang lâm thủy thị cảnh trung nhân,
 Tế tế thanh phong phiến phiến huân.
 Thủy nguyệt ba lung liên tháp truất,
 Hương yên bảo thoại lộ liên vân.
 Tẩy không trần lự hoa hàm thoại,
 Hoán tỉnh mê đồ thảo diệc xuân.
 Đáo cảnh linh nhân hồi thủ vọng,
 Đông nam phất tự nhận thành quần.

Dịch nghĩa:

Trang trọng tới nơi, ai là người trong cảnh,
 Nhè nhẹ gió mát quạt từng làn hơi thơm.
 Trăng nước sóng vờn sen chen nụ,
 Khói hương tàn bám móc lên mây.
 Tẩy sạch trần tục phiền não, hoa e ấp,
 Đường mê gọi tỉnh, cỏ cây phô sắc xuân.
 Gặp cảnh khuyên người quay đầu ngắm,
 Hướng đông nam phất áo vẫy nhận bay thành đàn.

Bản dịch:

Ai người đến đó, khách đài trang,
 Nhẹ lướt êm êm cơn gió Nam.
 Trắng nước sóng lông sen nỡn cánh,
 Khói hương tàn bấu hạc bay ngàn.
 Rửa niêm trần tục hoa hàm tiếu,
 Gọi tỉnh niêm mơ cỏ thắm xuân.
 Đến cảnh quay đầu người muốn hỏi,
 Đông nam tay vẫy nhận tung đàn.
 (Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh)

Tái Ngoại Văn Châm (Ngoài Ải Nghe Tiếng Chày Nện Vải, Hồ Xuân Hương)

Thúc vắn giang cổ thú giang thành,
 Hốt đặc hàn châm tấu nhĩ thính.
 Tục đoạn sương trung kinh nhận trận,
 Y hy bích hạ loạn trùng thanh.
 Chinh phu dục phá thâm khuê mộng,
 Du tử hoàn thiêm cố quốc tình.
 Đặc ý bất tri cần khổ được,
 Quản huyền vận vận gián kê minh.

Bản dịch:

Trống canh sông chột động bên thành,
 Chày lạnh bên tai lại thậm thính.
 Đứt nôi trong sương bày nhận sợ,
 Mơ hồ dưới vách tiếng trùng inh.
 Khuê sâu chinh khách chường tan mộng,
 Nước cũ du nhân vẫn nặng tình.
 Thoả ý chả hay khi thuốc đắng,

*Canh gà giọng lẫn nhịp đàn sênh.
(Bùi Hạnh Cận)*

Thu Vũ (Mưa Thu, Hồ Xuân Hương)

*Thiên cách vân âm thảm bất minh,
Tiêu tiêu thu vũ lạc nhàn đình.
Đoản trường khô thụ chi đầu lệ,
Thu cấp hoàng tiêu điệp thượng thanh.
Ngâm đoạn mê thiên lý mộng,
Sầu khiên liêu lạc ngũ canh tình.
Thâm khuê tối khổ như hoa diện,
Nhất phiến sầu dung hoạ bất thành.*

Bản dịch:

*Trời cách mây mù thảm chả xanh,
Mưa thu sân vắng giọt buồn tanh.
Đầu cành cây héo châu dài vẫn,
Trên lá tiêu vàng tiếng chạm thanh.
Hát dứt mê mơ vạn dặm,
Sầu giăng quạnh quẽ nỗi năm canh.
Khuê sâu rất khổ mảy hoa ấy,
Vẻ mặt buồn thương vẽ chẳng thành.
(Bùi Hạnh Cận)*

Cố Kinh Thu Nhật (Ngày Thu Kinh Cũ, Hồ Xuân Hương)

*Nhiễm nhiễm chinh trần thu nguyệt tà,
Nhất bôi hoàn tổng cựu phần hoa.
Nhất Tô thủy lạo tây lưu tận,
Tam Đảo tình quang bắc vọng xa.*

*Dăng nguyệt thanh chiêm bi cố vật,
Sương tiên bạch lộ lạc thủy gia.
Thử lai tương đối trùng tương ước,
Khách cứu niên thâm nại nhược hà.*

Bản dịch 1:

*Thấm thoát đường thu ánh nguyệt tà,
Chốn xưa lại chuốc chén phồn hoa.
Dòng Tô nước cuốn về tây hết,
Tam Đảo trời quan ngó bắc xa.
Đèn rạng chẵn xanh thương vật cũ,
Sương buông móc trắng đọng mô nhà.
Lần này gặp mặt càng mong nhớ,
Khách mãi năm tàn nổi thế a!
(Bùi Hạnh Cần)*

Bản dịch 2

*Thấm thoát đường thu ánh nguyệt tà
Chốn xưa rượu chuốc chén phồn hoa.
Dòng Tô nước cuốn về Tây mãi,
Tam Đảo trời quang vọng Bắc xa.
Đèn nguyệt chẵn xanh thương vật cũ,
Sương buông móc trắng đọng bên nhà.
Ước gì gặp lại vui mong nhớ
Khách cũ, năm tàn mãi thế ai?
(Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh)*

*Giang Nam Phụ Níp Kiêm Lưu Biệt Hữu Nhân (Khăn Gối Sang Sông Nam,
Nhân Gửi Bạn, Hồ Xuân Hương)*

Phụ níp tòng kim vạn lý dao,
 Trường đình tiểu tiến thượng thù giao.
 Muộn đôi phàm sí thuyền thiên trọng,
 Sầu áp giang tâm thủy bất trào.
 Cựu thảo ngưng mâu hương vị tán,
 Tha hương hồi thủ vọng cô cao.
 Tuy nhiên thượng hữu tương phùng nhật,
 Thệ hải ninh dung nhất lãng đào.

Bản dịch 1:

Khăn gói bấy giờ vạn dặm nao,
 Đình đài rượu tiến chén đang trao.
 Buồn dằng buồm vút thuyền nghiêng nặng,
 Sầu nén sông sâu nước chẳng dào.
 Cỏ cũ nhìn lâu hương chứa tản,
 Làng ai quay lại núi quê cao.
 Rồi ra còn có phen cùng gặp,
 Thề biển thà cho đợt sóng ào.
 (Bùi Hạnh Cần)

Bản dịch 2:

Khăn gói bấy giờ vạn dặm nao,
 Trường đình rượu tiến chén mời trao.
 Buồm căng đôi cánh sầu nghiêng nặng.
 Sầu nén sông sâu nước chẳng trào.
 Cỏ cũ lặng nhìn hương chứa mất.
 Xa quê quay ngóng núi quê cao.
 Xa nhau còn có ngay gặp lại,
 Thề biển thà cho ngọn sóng đào.
 (Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh)

Vịnh Thạch Phu Phụ (Vịnh Vợ Chồng Đá, Hồ Xuân Hương)

Gia thất hoà bình lập hải ngu,
 Thung dung tuế nguyệt nhất nhàn du.
 Đông hồi tây lĩnh lân đề phụ,
 Bắc hướng nam sơn tiểu vọng phu.
 Đế đỉnh nghĩa trường thiên địa tịnh,
 Xương tuỳ thanh động hải sơn thu.
 Vãng lai hoặc vấn cừ tôn tử,
 Thạch tại sơn đầu nhân tại chu.

Bản dịch:

Nhà cửa yên lành nơi góc biển,
 Thong dong ngày tháng mãi nhàn du.
 Đông tây núi ngó thương gào vợ,
 Nam bắc non nhìn ngắm vọng phu.
 Gấn bó nghĩa dài trời đất sánh,
 Xương tuỳ lời động biển non chờ.
 Lại qua ví hỏi đàn con cháu,
 Đá ở đâu non khách dưới đò.
 (Bùi Hạnh Cần)

Thu Nhật Tức Sự (Ngày Thu Tức Cảnh, Hồ Xuân Hương)

Tây phong tạc dạ áp hàn chi,
 Ly cúc tiêu sơ tuyết vị phi.
 Mật vũ tà si phân thuỷ diện,
 Cô vân miêu chúc viễn sơn my.
 Liên dư tàn hạ lưu xuân đới,
 Liễu bạng nhiều hương lão thuý y.
 Đề điều mặc phi tri ngã hướng,
 Thanh thanh trường động cố hương ty (tu).

Bản dịch 1:

Đêm qua lành lạnh gió tây về,
 Đậu cúc điều hiu tuyệt chữa đi.
 Mưa nặng sông chia mờ vẻ mặt,
 Mây tro non thăm vẽ đường mi.
 Sen tàn hạ cuối dây thơm sót,
 Liễu ngả xuân thừa biếc áo che.
 Chim hót nổi mình chẳng có thâu?
 Lờ lờ dài đọng nổi lòng quê.
 (Bùi Hạnh Cân)

Bản dịch 2:

Gió Tây mới đến khách chưa về,
 Khí lạnh mùi phần dạ tái tê.
 Nước cũ non sông trời lặng ngấm,
 Quê người thân thế gửi mây che.
 Cái già chợt sợ nay đà đến,
 Thu đến nơi nơi đêm trước nghe.
 Tự trách bạc đầu ta vụng tính,
 Lá vàng rơi rụng, rụng đâu hè.
 (Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh)